

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch khuyến nông tỉnh Thanh Hóa năm 2027

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 268/2026/NĐ-CP ngày 01/7/2026 của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Quyết định số 2722/QĐ-UBND ngày 12/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Chương trình khuyến nông tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026 - 2030;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1516/TTr-SNNMT ngày 28/8/2026 (kèm theo ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 11216/STC-KTN ngày 21/8/2026).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch khuyến nông tỉnh Thanh Hóa năm 2027.

(chi tiết tại phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn về nghiệp vụ để các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch khuyến nông tỉnh Thanh Hóa năm 2027, đảm bảo theo đúng quy định hiện hành của pháp luật; đồng thời, theo chức năng nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm chủ động theo dõi, hướng dẫn và giải quyết các công việc liên quan đến việc tổ chức thực hiện của các đơn vị theo quy định.

2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan, thẩm định và tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện Kế hoạch khuyến nông tỉnh Thanh Hóa năm 2027 vào dự toán ngân sách địa phương năm 2027, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định.

3. Giao Hội Nông dân tỉnh; Báo và Phát thanh, Truyền hình Thanh Hóa; Trung tâm Khuyến nông tỉnh; Trung tâm Nghiên cứu, ứng dụng và Chuyển giao Khoa học công nghệ (Trường Đại học Hồng Đức); Hội Làm vườn và Trang trại tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch khuyến nông tỉnh Thanh Hóa năm 2027 theo đúng nội dung, mục tiêu đề ra, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước tiết kiệm, thiết thực, hiệu quả và đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Báo và Phát thanh, Truyền hình Thanh Hóa, Giám đốc Trung tâm Khuyến nông tỉnh, Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu, ứng dụng và Chuyển giao Khoa học công nghệ (Trường Đại học Hồng Đức), Chủ tịch Hội Làm vườn và Trang trại tỉnh, Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/cáo);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Chánh Văn phòng, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT, KTTC_(đ/c Nghị).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Cao Văn Cường

KẾ HOẠCH
KHUYẾN NÔNG TỈNH THANH HÓA NĂM 2027
(kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Chuyển giao có hiệu quả các tiến bộ kỹ thuật mới trong sản xuất nông nghiệp phù hợp với định hướng phát triển nông nghiệp trong giai đoạn mới, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất. Triển khai xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải, bảo vệ môi trường; tập trung hỗ trợ phát triển các sản phẩm chủ lực và có lợi thế trên địa bàn tỉnh theo hướng phát triển sản xuất hàng hóa, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị, chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp, góp phần thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình khuyến nông tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026 - 2030.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Thông tin tuyên truyền

Tăng cường truyền thông, phổ biến các kết quả về hoạt động khuyến nông, nhân rộng mô hình sản xuất hiệu quả, với các chỉ tiêu:

- Truyền thông đại chúng: Xây dựng và phát sóng 129 chuyên mục khuyến nông trên Báo và Phát thanh, Truyền hình Thanh Hóa (gồm 76 chuyên mục truyền hình, 53 chuyên mục phát thanh; trong đó dịch 72 chuyên mục truyền hình sang tiếng Mông và tiếng Thái); phát sóng 20 tin, bài khuyến cáo kỹ thuật trong các chương trình thời sự; thực hiện 05 bài quảng bá hoạt động khuyến nông.

- Ấn phẩm và truyền thông số: Xuất bản 3.000 cuốn lịch sản xuất nông nghiệp năm 2028; phát hành 04 số tập san thông tin Nông nghiệp và Môi trường; sản xuất 01 phim kỹ thuật nông nghiệp.

- Hội thảo và diễn đàn: Tổ chức 20 hội thảo nhân rộng mô hình và 03 diễn đàn Khuyến nông @ nông nghiệp.

- Mua sắm thiết bị phục vụ công tác thông tin chuyên dụng gồm: 01 bộ thiết bị bay quay phim trên không Flycam

2.2. Đào tạo, tập huấn

Tập huấn nâng cao năng lực, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ khuyến nông, cộng tác viên khuyến nông, tổ khuyến nông cộng đồng và nông dân; chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp cho người nông dân; đào tạo huấn luyện theo phương pháp FFS theo chu kỳ sinh trưởng, phát triển của cây trồng.

- Tổ chức khoảng 28 lớp tập huấn nâng cao năng lực, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ khuyến nông, cộng tác viên khuyến nông, tổ khuyến nông cộng đồng.

- Tổ chức khoảng 12 lớp đào tạo huấn luyện kỹ thuật theo phương pháp FFS cho cộng tác viên khuyến nông, tổ khuyến nông cộng đồng và nông dân.

- Tổ chức khoảng 10 lớp tập huấn chuyển giao tiến bộ mới, trang bị kiến thức, kỹ thuật sản xuất nông nghiệp cho nông dân các xã trên địa bàn tỉnh.

2.3. Xây dựng và nhân rộng mô hình

Dự kiến xây dựng 21 mô hình trình diễn kỹ thuật sản xuất các loại cây trồng, vật nuôi phù hợp và các đối tượng mới có giá trị kinh tế cao, trong đó: trồng trọt 04 mô hình; chăn nuôi 07 mô hình; lâm nghiệp 04 mô hình; thủy sản 06 mô hình.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Thông tin tuyên truyền

1.1. Tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng, ấn phẩm và nền tảng số

a) Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng

- Mục tiêu: Tuyên truyền thông tin về sản xuất nông nghiệp, giúp nông dân tiếp cận tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới và mô hình hiệu quả; cung cấp thông tin thị trường để định hướng sản xuất, nâng cao kỹ năng sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản, góp phần bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu và nâng cao chất lượng, hiệu quả sản xuất.

- Quy mô:

- + Thực hiện 129 chuyên mục khuyến nông (76 chuyên mục truyền hình, 53 chuyên mục phát thanh) với tần suất 6 - 7 chuyên mục truyền hình/tháng, 4 - 5 chuyên mục phát thanh/tháng; 72 chuyên mục khuyến nông (6 chuyên mục/tháng) được dịch ra tiếng Mông và tiếng Thái trên Báo và Phát thanh, Truyền hình Thanh Hóa tuyên truyền lĩnh vực nông nghiệp và bảo vệ môi trường, xây dựng nông thôn mới, phổ biến tiến bộ khoa học kỹ thuật... nhằm giúp nông dân nắm bắt các chủ trương, chính sách mới về nông nghiệp và môi trường phù hợp với thực tiễn, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất.

+ Thực hiện 20 tin, bài khuyến cáo khắc phục khó khăn trong sản xuất nông nghiệp và giới thiệu các mô hình khuyến nông trên bản tin thời sự truyền hình về hướng dẫn các biện pháp phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi; chống rét, chống nóng cho cây trồng, vật nuôi; vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm và bảo vệ môi trường...

+ Phối hợp với cơ quan báo chí thực hiện 05 bài viết tuyên truyền các chính sách nông nghiệp, giới thiệu các tiến bộ khoa học công nghệ mới, gương nông dân sản xuất giỏi, HTX tiêu biểu sản xuất theo chuỗi giá trị... Sản xuất phim kỹ thuật nông nghiệp; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường khai thác các mạng xã hội chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, hướng dẫn sản xuất cho người dân.

+ Mua sắm 01 bộ thiết bị quay phim trên không Flycam phục vụ công tác thông tin để nâng cao chất lượng công tác thông tin tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng; đa dạng hoá công tác thông tin tuyên truyền phục vụ tốt hơn cho việc chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật.

b) Xuất bản tài liệu và các loại ấn phẩm khuyến nông

- Mục tiêu: Tuyên truyền thông tin về sản xuất nông nghiệp, giúp nông dân tiếp cận tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới và mô hình hiệu quả; cung cấp thông tin thị trường để định hướng sản xuất, nâng cao kỹ năng sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản, góp phần bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu và nâng cao chất lượng, hiệu quả sản xuất.

- Quy mô:

+ In ấn và phát hành 4 số tập san thông tin Nông nghiệp và Môi trường (2.800 cuốn) với các nội dung chính như thông tin về các chính sách, pháp luật mới của nhà nước liên quan đến nông nghiệp, nông thôn, giúp người dân nắm bắt và thực hiện đúng; giới thiệu các mô hình sản xuất hiệu quả, các tấm gương nông dân sản xuất giỏi, giúp lan tỏa các điển hình tốt; chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật, đưa tin về các hoạt động khuyến nông ở địa phương, các mô hình, dự án khuyến nông đang triển khai; chia sẻ kinh nghiệm thực tế của các nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp trong sản xuất, kinh doanh, quản lý, giúp người đọc học hỏi và áp dụng.

+ In ấn và phát hành 3.000 cuốn lịch sản xuất nông nghiệp năm 2028 với nội dung chính về xây dựng khung thời vụ hợp lý, khoa học trên các đối tượng cây trồng, vật nuôi, giúp cho nông dân áp dụng và thực tế sản xuất hiệu quả.

- Đối tượng: Người dân trên địa bàn tỉnh.

1.2. Tổ chức hội thảo, diễn đàn

- Mục tiêu: Đẩy mạnh tuyên truyền chủ trương, chính sách và tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp; phổ biến mô hình tiên tiến như cơ giới hóa, chuyển đổi số, sản xuất hữu cơ, liên kết tiêu thụ sản phẩm; xây dựng hệ thống khuyến nông thống nhất, đội ngũ tuyên truyền viên năng động, lan tỏa mô hình hiệu quả, góp phần phát triển nông nghiệp bền vững.

- Dự kiến quy mô và số lượng người tham gia: 20 hội thảo nhân rộng (khoảng 2.000 người); 03 diễn đàn Khuyến nông @ nông nghiệp (khoảng 690 người).

- Đối tượng: Đơn vị quản lý nhà nước, các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, cán bộ khuyến nông, cộng tác viên khuyến nông, nông dân trong tỉnh.

1.3. Đơn vị thực hiện

- Trung tâm Khuyến nông Thanh Hóa chủ trì phối hợp Trung tâm cung ứng dịch vụ công các xã, phường và các đơn vị có liên quan thực hiện.

- Các chuyên mục khuyến nông giao cho Trung tâm Khuyến nông Thanh Hóa chủ trì sản xuất; phát sóng chuyên mục và đưa chuyên mục trên mạng Internet (youtube, fanpage) giao cho Báo và Phát thanh, Truyền hình Thanh Hóa chủ trì thực hiện.

2. Đào tạo và tập huấn

2.1. Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực, kỹ năng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

- Mục tiêu: Tổ chức các lớp tập huấn bồi dưỡng nâng cao kiến thức, cập nhật tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, thông tin thị trường để ứng dụng hiệu quả vào sản xuất, nâng cao chất lượng hoạt động khuyến nông cơ sở.

- Đối tượng tập huấn: Cán bộ khuyến nông, thành viên tổ khuyến nông cộng đồng, cộng tác viên khuyến nông, thành viên hợp tác xã, tổ hợp tác, nông dân, chủ trang trại...

- Quy mô: Khoảng 28 lớp.

- Số người tham dự: Khoảng 980 người.

- Thời gian tổ chức: 2 ngày/lớp.

- Địa điểm tổ chức: Trên địa bàn tỉnh.

2.2. Đào tạo huấn luyện kỹ thuật theo phương pháp FFS

- Mục tiêu: Tổ chức các lớp huấn luyện theo phương pháp FFS trên cây lúa, ngô, khoai tây (cây lúa: 5 lớp; cây ngô: 4 lớp; khoai tây: 3 lớp) cho nông dân tại các địa phương trong tỉnh theo chu kỳ sinh trưởng và phát triển của cây trồng giúp cho học viên nắm chắc về lý thuyết và vận dụng thành thạo vào sản xuất.

- Đối tượng tập huấn: Là nông dân trực tiếp sản xuất trồng trọt ở địa phương, cộng tác viên khuyến nông, tổ khuyến nông cộng đồng.

- Quy mô: Khoảng 12 lớp.

- Số người tham dự: Khoảng 300 người.

- Thời gian tổ chức: 8 - 9 ngày/lớp (tùy theo tình hình sinh trưởng, phát triển của từng loại cây trồng).

- Địa điểm tổ chức: Tại các xã.

2.3. Tập huấn nâng cao kiến thức và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật mới, tổ chức quản lý sản xuất cho người nông dân

- Mục tiêu: Tập huấn chuyên giao những tiến bộ kỹ thuật mới trong sản xuất nông nghiệp như: Ứng dụng khoa học công nghệ, cơ giới hóa, phương pháp trồng, chăm sóc một số đối tượng cây trồng, con nuôi mới có giá trị kinh tế cao, kỹ thuật sản xuất theo hướng hữu cơ... giúp người dân áp dụng kiến thức vào thực tiễn sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế hướng tới phát triển một nền nông nghiệp an toàn và bền vững.

- Đối tượng tập huấn: Nông dân trên địa bàn tỉnh (*ưu tiên các vùng sản xuất tập trung, vùng có định hướng công nghệ cao, vùng gần với mã số vùng trồng*).

- Quy mô: Khoảng 10 lớp.

- Số người tham dự: Khoảng 500 người.

- Thời gian tổ chức: 01 ngày/lớp.

- Địa điểm tổ chức: Tại các xã.

2.4. Đơn vị thực hiện: Trung tâm Khuyến nông Thanh Hóa chủ trì, phối hợp với Trung tâm cung ứng dịch vụ công các xã, phường và các đơn vị có liên quan thực hiện.

3. Xây dựng và nhân rộng mô hình

3.1. Lĩnh vực trồng trọt

- Mục tiêu: Triển khai xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn VietGAP, nông nghiệp sạch, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, ứng dụng công nghệ cao, cơ giới hóa, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, đưa các giống cây mới có giá trị kinh tế cao vào sản xuất; tập trung hỗ trợ phát triển các sản phẩm chủ lực và có lợi thế trên địa bàn tỉnh theo hướng phát triển sản xuất hàng hóa, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hiệu quả kinh tế.

- Một số mô hình dự kiến triển khai: Mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất lúa chất lượng theo hướng giảm phát thải gắn với tiêu thụ sản phẩm; mô hình sản xuất rau quả an toàn gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm; mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng cây hàng năm, cây lâu năm kém hiệu quả sang trồng cây táo; mô hình sản xuất hàng hóa tập trung cây ngô ngọt gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm.

3.2. Lĩnh vực chăn nuôi

- Mục tiêu: Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật mới, xây dựng các mô hình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAHP, nông nghiệp sạch, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái; phát triển chăn nuôi vật nuôi bản địa, con nuôi đặc sản gắn với phát triển du lịch và sản phẩm OCOP. Nâng cao nhận thức cho người chăn nuôi trong việc thực hiện vệ sinh thú y, phòng chống dịch bệnh bằng các biện pháp an toàn sinh học qua đó tăng năng suất, hiệu quả kinh tế, phát triển chăn nuôi bền vững và bảo vệ môi trường.

- Một số mô hình dự kiến triển khai: Mô hình chăn nuôi gà thịt thương phẩm gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm; mô hình chăn nuôi gà đẻ trứng thương phẩm đạt chứng nhận VietGAHP; chăn nuôi chim bồ câu an toàn sinh học; mô hình chăn nuôi vịt Cổ Lũng thương phẩm nhằm phục vụ phát triển du lịch và đáp ứng nhu cầu thị trường; mô hình nuôi hươu sao lấy nhung gắn với chế biến sản phẩm; mô hình chăn nuôi cây vôi hương phục vụ phát triển du lịch và đáp ứng nhu cầu thị trường; mô hình nuôi ong lấy mật tạo sản phẩm OCOP.

3.3. Lĩnh vực lâm nghiệp

- Mục tiêu: Tập trung xây dựng các mô hình khuyến nông thông qua chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, ứng dụng công nghệ cao, các giải pháp nông nghiệp hiệu quả nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả rừng trồng, góp phần hình thành vùng nguyên liệu sản xuất gỗ lớn và tạo sản phẩm OCOP. Tăng cường liên kết sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ để tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm. Phát triển lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ môi trường, sản xuất thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Một số mô hình dự kiến triển khai: Mô hình trồng rừng thâm canh gỗ lớn theo hướng quản lý rừng bền vững (keo lai mô); mô hình trồng rừng thâm canh keo lá tràm theo hướng công nghệ cao; mô hình trồng rừng thâm canh cây quế làm vùng nguyên liệu cho chế biến tinh dầu và sản phẩm OCOP; mô hình trồng thâm canh cây dược liệu gắn với tiêu thụ sản phẩm.

3.4. Lĩnh vực thủy sản

- Mục tiêu: Xây dựng các mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn VietGAP, nông nghiệp theo hướng hữu cơ, tuần hoàn, sinh thái, phát triển nuôi trồng các đối tượng thủy đặc sản; tập trung hỗ trợ phát triển các sản phẩm chủ lực và có lợi thế trên địa bàn tỉnh theo hướng phát triển sản xuất hàng hóa, gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế.

- Một số mô hình dự kiến triển khai: mô hình ứng dụng đồng bộ tiến bộ kỹ thuật nuôi tôm công nghệ cao đạt tiêu chuẩn VietGAP (tôm thẻ chân trắng); mô hình phát triển nghề nuôi cá lồng trên hồ chứa gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm; mô hình ứng dụng đồng bộ tiến bộ kỹ thuật nuôi thâm canh cá rô phi gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm; mô hình ứng dụng đồng bộ tiến bộ kỹ thuật nuôi thâm canh cá chim vây vàng gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm; xây dựng mô hình liên kết nuôi cá trê đồng theo hướng hữu cơ gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm; xây dựng mô hình nuôi luân canh tôm càng xanh - lúa theo hướng hữu cơ.

3.5. Đơn vị thực hiện

- Trung tâm Khuyến nông Thanh Hóa, các tổ chức liên quan chủ trì thực hiện theo từng nội dung của Kế hoạch.

- Ủy ban nhân dân các xã, phường; Trung tâm cung ứng dịch vụ công các xã, phường và các tổ chức, cá nhân, đơn vị có liên quan phối hợp với Trung tâm Khuyến nông Thanh Hóa, Hội Nông dân tỉnh, Hội Làm vườn và Trang trại tỉnh, Trung tâm Nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao Khoa học công nghệ - Trường Đại học Hồng Đức thực hiện.

(chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

III. NGUỒN VỐN VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Dự kiến kinh phí: 25.950.655.000 đồng *(Hai mươi lăm tỷ, chín trăm năm mươi triệu, sáu trăm năm mươi lăm nghìn đồng)*

Trong đó:

- Ngân sách nhà nước (Ngân sách tỉnh): 18.656.000.000 đồng *(Mười tám tỷ, sáu trăm năm mươi sáu triệu đồng)*.

- Vốn đối ứng (xây dựng mô hình khuyến nông): 7.294.655.000 đồng *(Bảy tỷ, hai trăm chín mươi tư triệu, sáu trăm năm mươi lăm nghìn đồng)*.

2. Nguồn vốn thực hiện

- Từ nguồn ngân sách tỉnh (nguồn kinh phí chi thường xuyên) cho hoạt động khuyến nông trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2027.

- Vốn đối ứng của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khuyến nông và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện các nội dung nhiệm vụ được phân công tại kế hoạch theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục tiêu đề ra.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh đảm bảo hiệu quả và đúng quy định pháp luật.

- Tổng hợp tình hình và kết quả thực hiện; tổ chức tổng kết đánh giá, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

- Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc cần thiết phải thay đổi nội dung của Kế hoạch, báo cáo và đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung theo đúng quy định.

2. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí dự toán kinh phí từ nguồn ngân sách tỉnh theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành để triển khai thực hiện Kế hoạch khuyến nông tỉnh Thanh Hóa năm 2027 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản có liên quan.

3. Hội Nông dân tỉnh; Báo và Phát thanh, Truyền hình Thanh Hóa; Trung tâm Khuyến nông tỉnh, Trung tâm Nghiên cứu, ứng dụng và Chuyển giao Khoa học công nghệ (Trường Đại học Hồng Đức); Hội Làm vườn và Trang trại tỉnh, tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch Khuyến nông năm 2027 theo đúng nội dung, mục tiêu đề ra, đảm bảo tiết kiệm, thiết thực, hiệu quả và đúng quy định.

4. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường có liên quan, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Hội Nông dân tỉnh, Báo và Phát thanh, Truyền hình Thanh Hóa, Trung tâm Nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao Khoa học công nghệ (Trường Đại học Hồng Đức), Hội Làm vườn và Trang trại tỉnh, để triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung nhiệm vụ của Kế hoạch.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh Thanh Hóa: Chỉ đạo các tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị trực thuộc phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong công tác tuyên truyền, vận động, huy động hội viên, nông dân tích cực tham gia các hoạt động khuyến nông và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất nông nghiệp; đồng thời tăng cường phối hợp trong việc nắm bắt nhu cầu của nông dân để lựa chọn nội dung khuyến nông phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả nguồn lực thực hiện Kế hoạch.

Trên đây là Kế hoạch Khuyến nông tỉnh Thanh Hóa năm 2027. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường (*qua Trung tâm Khuyến nông*) để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KHUYẾN NÔNG TỈNH THANH HÓA NĂM 2027

TT	Nội dung thực hiện	Dự kiến quy mô	Dự kiến kinh phí NSNN hỗ trợ	Ghi chú
	TỔNG CỘNG (A + B+ C+ D+E)		18.656.000.000	
A	Đơn vị thực hiện: Trung tâm Khuyến nông		17.689.000.000	
I	Thông tin tuyên truyền		1.620.000.000	
1	Tập san thông tin Nông nghiệp và Môi trường Thanh Hóa (4 số)	2.800 cuốn	220.743.200	Mục 2.1 phần II và mục I.1, Phụ biểu 02 Quyết định số 2722/QĐ-UBND ngày 12/8/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Chương trình Khuyến nông tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026-2030.
2	In lịch sản xuất nông nghiệp năm 2028	3.000 cuốn	74.934.900	Mục 2.1 phần II và mục I.2, Phụ biểu 02 Quyết định số 2722/QĐ-UBND ngày 12/8/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Chương trình Khuyến nông tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026-2030.
3	Sản xuất phim kỹ thuật	01 phim	44.092.000	Mục 2.1 phần II và mục I.3, Phụ biểu 02 Quyết định số 2722/QĐ-UBND ngày 12/8/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Chương trình Khuyến nông tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026-2030.
4	Tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng	76 chuyên mục truyền hình, 53 chuyên mục phát thanh, 72 chuyên mục tiếng dân tộc, 20 tin, bài khuyến cáo, 05 bài quảng bá trên báo	210.993.600	Mục 2.1 phần II và mục I.4, mục I.9, Phụ biểu 02 Quyết định số 2722/QĐ-UBND ngày 12/8/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Chương trình Khuyến nông tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026-2030.

5	Hội thảo nhân rộng mô hình	20 cuộc	662.800.000	Mục 2.1 phần II và mục I.5, Phụ biểu 02 Quyết định số 2722/QĐ-UBND ngày 12/8/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Chương trình Khuyến nông tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026-2030.
6	Diễn đàn Khuyến nông @ nông nghiệp	3 cuộc	334.442.400	Mục 2.1 phần II và mục I.6, Phụ biểu 02 Quyết định số 2722/QĐ-UBND ngày 12/8/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Chương trình Khuyến nông tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026-2030.
7	Mua sắm thiết bị phục vụ công tác thông tin	01 bộ thiết bị quay phim trên không Flycam	72.000.000	Mục 2.1 phần II và mục I.7, Phụ biểu 02 Quyết định số 2722/QĐ-UBND ngày 12/8/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Chương trình Khuyến nông tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026-2030.
II	Đào tạo, tập huấn		2.166.000.000	
1	Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, phương pháp, nghiệp vụ, công nghệ thông tin, bổ sung, cập nhật các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới áp dụng trong sản xuất trên các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản... cho Khuyến nông viên cơ sở, cộng tác viên khuyến nông và nông dân.	28 lớp	1.188.630.000	Mục 2.2 phần II và mục II.1, Phụ biểu 02 Quyết định số 2722/QĐ-UBND ngày 12/8/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Chương trình Khuyến nông tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026-2030.
2	Đào tạo huấn luyện kỹ thuật theo phương pháp FFS trên cây trồng, vật nuôi cho khuyến nông viên cơ sở, tổ khuyến nông cộng đồng, cộng tác viên khuyến nông và nông dân	12 lớp	855.258.500	Mục 2.2 phần II và mục II.2, Phụ biểu 02 Quyết định số 2722/QĐ-UBND ngày 12/8/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Chương trình Khuyến nông tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026-2030.
3	Tập huấn, chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới áp dụng trong sản xuất trên các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản... cho nông dân	10 lớp	122.130.000	Mục 2.2 phần II và mục II.3, Phụ biểu 02 Quyết định số 2722/QĐ-UBND ngày 12/8/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Chương trình Khuyến nông tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026-2030.

III	Xây dựng và nhân rộng mô hình		13.903.000.000	
1	Lĩnh vực trồng trọt		2.973.000.000	
1.1	Mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất lúa chất lượng theo hướng giảm phát thải gắn với tiêu thụ sản phẩm	180 ha	1.453.244.000	Điểm (1), mục 2.3 phần II và điểm 1.1, mục III.1 Phụ biểu 02 Quyết định số 2722/QĐ-UBND ngày 12/8/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Chương trình Khuyến nông tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026-2030.
1.2	Mô hình sản xuất rau quả an toàn gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm	13 ha	460.600.000	Điểm (1), mục 2.3 phần II và điểm 1.2, mục III.1 Phụ biểu 02 Quyết định số 2722/QĐ-UBND ngày 12/8/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Chương trình Khuyến nông tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026-2030.
1.3	Mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng cây hàng năm, cây lâu năm kém hiệu quả sang trồng cây táo	5 ha	545.055.000	Điểm (1), mục 2.3 phần II và điểm 1.3, mục III.1 Phụ biểu 02 Quyết định số 2722/QĐ-UBND ngày 12/8/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Chương trình Khuyến nông tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026-2030.
1.4	Mô hình sản xuất hàng hoá tập trung cây ngô ngọt gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm	24 ha	514.101.000	Điểm (1), mục 2.3 phần II và điểm 1.4, mục III.1 Phụ biểu 02 Quyết định số 2722/QĐ-UBND ngày 12/8/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Chương trình Khuyến nông tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026-2030.
2	Lĩnh vực chăn nuôi		3.430.000.000	
2.1	Mô hình chăn nuôi gà thịt thương phẩm gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm	15.000 con	985.598.000	Điểm (2), mục 2.3 phần II và điểm 2.1, mục III.2 Phụ biểu 02 Quyết định số 2722/QĐ-UBND ngày 12/8/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Chương trình Khuyến nông tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026-2030.
2.2	Mô hình chăn nuôi gà đẻ trứng thương phẩm đạt chứng nhận VietGAHP	4.000 con	506.636.000	Điểm (2), mục 2.3 phần II và điểm 2.2, mục III.2 Phụ biểu 02 Quyết định số 2722/QĐ-UBND ngày 12/8/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Chương trình Khuyến nông tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026-2030.

2.3	Mô hình chăn nuôi vịt Cổ Lũng thương phẩm nhằm phục vụ phát triển du lịch và đáp ứng nhu cầu thị trường	3.000 con	402.246.000	Điểm (2), mục 2.3 phần II và điểm 2.3, mục III.2 Phụ biểu 02 Quyết định số 2722/QĐ-UBND ngày 12/8/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Chương trình Khuyến nông tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026-2030.
2.4	Chăn nuôi chim bồ câu an toàn sinh học	2.000 con	374.771.000	Điểm (2), mục 2.3 phần II và điểm 2.2, mục III.2 Phụ biểu 02 Quyết định số 2722/QĐ-UBND ngày 12/8/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Chương trình Khuyến nông tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026-2030.
2.5	Mô hình nuôi hươu sao lấy nhung gắn với chế biến sản phẩm	12 con	404.381.000	Điểm (2), mục 2.3 phần II và điểm 2.3, mục III.2 Phụ biểu 02 Quyết định số 2722/QĐ-UBND ngày 12/8/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Chương trình Khuyến nông tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026-2030.
2.6	Chăn nuôi cây vôi hương phục vụ phát triển du lịch và đáp ứng nhu cầu thị trường	33 con	403.856.000	Điểm (2), mục 2.3 phần II và điểm 2.3, mục III.2 Phụ biểu 02 Quyết định số 2722/QĐ-UBND ngày 12/8/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Chương trình Khuyến nông tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026-2030.
2.7	Mô hình nuôi ong lấy mật tạo sản phẩm OCOP	160 đàn	352.512.000	Điểm (1), mục 2.3 phần II và điểm 2.4, mục III.2 Phụ biểu 02 Quyết định số 2722/QĐ-UBND ngày 12/8/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Chương trình Khuyến nông tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026-2030.
3	Lĩnh vực lâm nghiệp		3.800.000.000	
3.1	Mô hình trồng rừng thâm canh gỗ lớn theo hướng quản lý rừng bền vững (keo lai mô)	126 ha	1.964.159.000	Điểm (3), mục 2.3 phần II và điểm 3.1, mục III.3 Phụ biểu 02 Quyết định số 2722/QĐ-UBND ngày 12/8/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Chương trình Khuyến nông tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026-2030.
3.2	Mô hình trồng rừng thâm canh keo lá tràm theo hướng công nghệ cao	54 ha	885.477.000	Điểm (3), mục 2.3 phần II và điểm 3.2, mục III.3 Phụ biểu 02 Quyết định số 2722/QĐ-UBND ngày

				12/8/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Chương trình Khuyến nông tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026-2030.
3.3	Mô hình trồng rừng thâm canh cây Quế làm vùng nguyên liệu cho chế biến tinh dầu và sản phẩm OCOP	12 ha	453.659.000	Điểm (3), mục 2.3 phần II và điểm 3.3, mục III.3 Phụ biểu 02 Quyết định số 2722/QĐ-UBND ngày 12/8/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Chương trình Khuyến nông tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026-2030.
3.4	Mô hình trồng thâm canh cây dược liệu gắn với tiêu thụ sản phẩm (cây Khôi tía)	3 ha	496.705.000	Điểm (3), mục 2.3 phần II và điểm 3.4, mục III.3 Phụ biểu 02 Quyết định số 2722/QĐ-UBND ngày 12/8/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Chương trình Khuyến nông tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026-2030.
4	Lĩnh vực thủy sản		3.700.000.000	
4.1	Mô hình ứng dụng đồng bộ tiến bộ kỹ thuật nuôi tôm công nghệ cao đạt tiêu chuẩn VietGAP (tôm thẻ chân trắng)	1,5 ha	1.175.197.000	Điểm (4), mục 2.3 phần II và điểm 4.1, mục III.4 Phụ biểu 02 Quyết định số 2722/QĐ-UBND ngày 12/8/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Chương trình Khuyến nông tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026-2030.
4.2	Mô hình phát triển nghề nuôi cá lồng trên hồ chứa gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm (cá nheo mỹ)	1.500 m ³	793.149.000	Điểm (4), mục 2.3 phần II và điểm 4.2, mục III.4 Phụ biểu 02 Quyết định số 2722/QĐ-UBND ngày 12/8/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Chương trình Khuyến nông tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026-2030.
4.3	Mô hình ứng dụng đồng bộ tiến bộ kỹ thuật nuôi thâm canh cá rô phi gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm.	1 ha	422.872.000	Điểm (4), mục 2.3 phần II và điểm 4.3, mục III.4 Phụ biểu 02 Quyết định số 2722/QĐ-UBND ngày 12/8/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Chương trình Khuyến nông tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026-2030.

4.4	Mô hình ứng dụng đồng bộ tiên bộ kỹ thuật nuôi thâm canh cá chim vây vàng gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm.	0,5 ha	281.595.000	Điểm (4), mục 2.3 phần II và điểm 4.3, mục III.4 Phụ biểu 02 Quyết định số 2722/QĐ-UBND ngày 12/8/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Chương trình Khuyến nông tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026-2030.
4.5	Xây dựng mô hình nuôi luân canh tôm càng xanh - lúa theo hướng hữu cơ	6 ha	559.020.000	Điểm (4), mục 2.3 phần II và điểm 4.5, mục III.4 Phụ biểu 02 Quyết định số 2722/QĐ-UBND ngày 12/8/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Chương trình Khuyến nông tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026-2030.
4.6	Xây dựng mô hình liên kết nuôi cá trê đồng theo hướng hữu cơ gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm	0,5 ha	468.167.000	Điểm (4), mục 2.3 phần II và điểm 4.4, mục III.4 Phụ biểu 02 Quyết định số 2722/QĐ-UBND ngày 12/8/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Chương trình Khuyến nông tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026-2030.
B	Đơn vị thực hiện: Báo và Phát thanh, Truyền hình Thanh Hóa		220.000.000	
1	Phát sóng các chuyên mục Khuyến nông trên sóng phát thanh và truyền hình của Báo và Phát thanh, Truyền hình Thanh Hóa	76 chuyên mục truyền hình; 53 chuyên mục truyền thanh; 76 chuyên mục truyền hình trên mạng Internet	220.000.000	Mục 2.1 phần II và mục I.4, mục I.9, Phụ biểu 02 Quyết định số 2722/QĐ-UBND ngày 12/8/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Chương trình Khuyến nông tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026-2030.
C	Đơn vị thực hiện: Trung tâm Nghiên cứu, ứng dụng và Chuyển giao Khoa học công nghệ - Trường ĐH Hồng Đức		277.000.000	
	Mô hình sản xuất rau quả (Dưa vàng, dưa lưới) theo hướng VietGap	2,5 ha	277.000.000	Điểm (1), mục 2.3 phần II và điểm 1.2, mục III.1 Phụ biểu 02 Quyết định số 2722/QĐ-UBND ngày 12/8/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Chương trình Khuyến nông tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026-2030.

D	Đơn vị thực hiện: Hội nông dân tỉnh Thanh Hóa		244.000.000	
	Mô hình Chăn nuôi gà thịt thương phẩm gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm	4.000 con	244.000.000	Điểm (2), mục 2.3 phần II và điểm 2.1, mục III.2 Phụ biểu 02 Quyết định số 2722/QĐ-UBND ngày 12/8/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Chương trình Khuyến nông tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026-2030.
E	Đơn vị thực hiện: Hội Làm vườn và Trang trại Thanh Hoá		226.000.000	
	Mô hình mô hình nuôi ong lấy mật tạo sản phẩm OCOP	100 đàn	226.000.000	Điểm (2), mục 2.3 phần II và điểm 2.4, mục III.2 Phụ biểu 02 Quyết định số 2722/QĐ-UBND ngày 12/8/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Chương trình Khuyến nông tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026-2030.